TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày: 14-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tín

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Nguyện,
2. Ông Trần Trực.

- Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đốivới bị cáo:

Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1990 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: Thôn T2, xã S, huyện D, Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T (sinh năm 1955) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1956); chồng là ông Huỳnh Đ (sinh năm 1987, chưa đăng ký kết hôn), có 03 con(lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, "có mặt".

- *Bị hại:*Ông **Nguyễn V** - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "vắng mặt"

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Nguyễn H** – sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố P3, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;"có mặt".

2. Bà **Võ Thị Kim C**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 3, Đường Đ, phường Vĩnh H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10/8/2017, Nguyễn Thị Thúy L nhờ ông Nguyễn V chở đi mượn tiền. Ông V điều khiển xe mô tô BKS 79N1 – 765.35 (bà Võ Thị Kim C đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy) chở L đi nhiều nơi ở huyện D nhưng không mượn được tiền. Khoảng 17 giờ 30 phút, khi đi đến khu vực trước cổng Bệnh viện đa khoa huyện D (thuộc xã Diên Đ, huyện D), L nói mượn xe mô tô BKS 79N1 – 765.35 của ông V để tiếp tục đi mượn tiền, ông V đồng ý đưa xe mô tô cho L sử dụng. Sau khi mượn được xe mô tô nêu trên, L đi nhiều nơi nhưng không mượn tiền được nên nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô của ông V để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11/8/2017, L đến tiệm cầm đồ H để cầm cố xe mô tô BKS 79N1 – 765.35 cho ông Nguyễn H vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Cùng ngày, ông V gọi điện thoại cho L thì L nói đã cầm cố xe mô tô trên và hứa 03 ngày sau đem xe mô tô trả ông V nhưng L không thực hiện. Đến ngày 22/8/2017 L tiếp tục đến tiệm cầm đồ của ông H vay thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tài sản cầm cố cũng là xe mô tô nêu trên. Sau nhiều lần ông V điện thoại cho L để đòi lại xe mô tô nhưng không liên lạc được nên ông V đến Công an huyện D trình báo sự việc. Tại Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an huyện D, Nguyễn Thị Thúy L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận tại bản định giá tài sản số 78 ngày 07/9/2017:Xe mô tô BKS 79N1 – 765.35 có giá trị 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 16/CT –VKSDK ngày 09/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thúy L về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999; đối với ông Nguyễn H là người nhận cầm cố tài sản nhưng không biết tài sản do Nguyễn Thị Thúy L phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo điều luật đã viện dẫn trên và đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140 và điểm h, l, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thúy L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo hối hận về hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Ông Nguyễn V và bà Võ Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan Điều tra, chỉ liên quan đến vấn đề bồi thường nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3]. Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L khai nhận quá trình thực hiện hành vi "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên bản Cáo trạng số 16/CT – VKSDK ngày 09/02/2018của Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thúy L đã phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Thị Thúy L đã mượn tài sản, sau đó dùng tài sản cầm cố lấy tiền tiêu xài, không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại. Hành vi đó của bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn làm cho tình hình trật tự tại địa phương càng trở nên phức tạp, nên cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội trong thời gian mang thai,đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.Bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, hiện đang nuôi ba con nhỏ nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn V và bà Võ Thị Kim C vắng mặt tại phiên tòa nên tách yêu cầu bồi thường của ông V và bà C đối với bị cáo để xét xử sau theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn khởi kiện.

Ông Nguyễn H yêu cầu bị cáo phải trả dần hàng tháng số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đã nhận, trả 2.000.000 đồng/1 tháng, kể từ ngày 30/7/2018 cho đến khi hết nợ. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu nêu trên của ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[6]. Về Vật chứng vụ án: Cơ quan Điều tra đã trả vật chứng vụ án là xe mô tô biển kiểm soát 79N1-765.35 cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thúy L phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2.Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 140; điểm h, l, p khoản 1 Điều 46;Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

Xử phạt:Bị cáo Nguyễn Thị Thúy L 09 (Chín) tháng tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Tách yêu cầu bồi thường của ông Nguyễn V và bà Võ Thị Kim C đối với bị cáo để xét xử sau theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn khởi kiện.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy L trả lại cho ông Nguyễn H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 30/7/2018, bị cáo trả cho ông H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Ngày 30/8/2018, bị cáo trả cho ông H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Ngày 30/9/2018, bị cáo trả cho ông H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Ngày 30/10/2018, bị cáo trả cho ông H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).
- Ngày 30/11/2018, bị cáo trả cho ông H 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thúy L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Huỳnh Thị Tín